

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC KỲ III - NĂM HỌC 2017- 2018
LỚP TC.CNO 16

STT	Họ và tên		Năm sinh	3	4	3	4	4	3	3	2	26	Xếp loại học lực	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
				BD&SC BT-LM	BD&SC ĐCX	THMĐ CB	BD&SC TBD OTO	BD&SC T LỰC	BD&SC di chuyển	BD&SC MT-XM	BD&SC HT lái	TB Học kì			
1	Lê Nhứt	Đặng	12/8/1999	6.6	6.4	6.6	6.4	6.3	6.5	6.7	7.4	6.6	TB Khá	Trung bình	
2	Hồ Quốc	Hồ	05/9/2001	6.2	6.4	6.3	6.5	6.4	6.5	6.0	6.9	6.4	TB Khá	Khá	
3	La Tiến	Hưng	18/9/1999	6.6	6.4	6.6	5.9	5.9	6.0	6.3	6.7	6.3	TB Khá	Trung bình	
4	Lê Hoàng Nhật	Khang	02/10/2000	6.6	6.8	6.4	6.1	6.0	6.1	6.3	7.6	6.4	TB Khá	Khá	
5	Trương Pha	Lăng	12/11/2000	5.9	6.0	6.3	6.3	6.1	6.5	6.0	6.7	6.2	TB Khá	Khá	
6	Kim Thanh	Nhiệm	1995	6.6	6.4	6.6	7.1	7.3	7.0	6.7	8.1	6.9	TB Khá	Trung bình	
7	Trần Nhật	Quý	14/01/1999	6.6	6.9	6.9	7.1	6.6	7.0	6.0	7.4	6.8	TB Khá	Trung bình	
8	Lê Văn	Sự	09/02/2001	6.9	6.5	7.0	6.6	6.8	6.5	6.4	7.4	6.7	TB Khá	Trung bình	
9	Huỳnh Kim	Thạch	16/02/1992	6.9	6.2	6.5	6.6	6.9	7.0	7.4	8.1	6.9	TB Khá	Xuất sắc	
10	Ngô Anh	Thiện	10/10/1997	6.4	6.6	6.8	6.3	6.3	6.0	7.0	7.3	6.5	TB Khá	Trung bình	
11	Trần Nguyễn Quốc	Thịnh	16/9/1999	6.9	3.9	0.0	0.0	0.0	0.0	6.3	0.0	2.1	Kém	Yếu	*
12	Huỳnh Văn	Thủ	10/9/1997	6.9	6.5	7.0	7.0	6.6	6.6	6.3	7.0	6.7	TB Khá	Khá	
13	Nguyễn Công	Tiến	12/12/1996	6.9	7.6	7.5	7.3	7.6	7.0	6.7	8.1	7.3	Khá	Tốt	
14	Trương Minh	Triều	09/10/1996	7.0	6.9	7.0	6.9	6.2	6.6	7.0	7.3	6.8	TB Khá	Khá	
15	Mai Quang	Tùng	26/11/2001	6.6	6.4	6.7	6.6	6.3	6.5	6.0	7.4	6.5	TB Khá	Trung bình	
16	Nguyễn Hy	Vọng	28/12/1998	6.4	6.6	7.2	7.0	6.9	7.0	6.0	7.0	6.8	TB Khá	Khá	

Chú ý: (*) học sinh có ít nhất 01 môn thi lại trong học kỳ không được xét khen thưởng

Kết quả học tập:	16 hs		
Xuất sắc	0 hs	Chiếm	0.0%
Giỏi	0 hs	Chiếm	0.0%
Khá	1 hs	Chiếm	6.3%
Trung bình khá	14 hs	Chiếm	87.4%
Trung bình	0 hs	Chiếm	0.0%
Yếu	0 hs	Chiếm	0.0%
Kém	1 hs	Chiếm	6.3%

Người lập biểu


Trương Thị Nguyệt

Bạc Liêu, ngày 16. tháng 4..... năm 2018

Phòng Đào Tạo


Phạm Văn Anh